

SĐC

181

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
AN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN HƠN QUẢN



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN HƠN QUẢN (1930 - 2010)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

324.259 107 509 597 71

L 3025

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN HƠN QUẢN



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN HƠN QUẢN (1930 - 2010)

TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH BÌNH PHƯỚC
THƯ VIỆN



KÍNH BIỂU



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN



BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY HỖN QUẢN



Võ Thành Công	Bí thư Huyện ủy
Đặng Quốc Thắng	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
Huỳnh Anh Minh	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện.
Nguyễn Thị Kim Ngọc	Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy



SƯU TẦM VÀ BIÊN SOẠN



PGS. TS. HÃ MINH HỒNG - Chủ biên
ThS. PHẠM VĂN THỊNH
NGUYỄN VĂN MINH
NGUYỄN HOÀNG LONG

LỜI GIỚI THIỆU

Từ rất xa xưa vùng đất Hớn Quản đã có sự khai phá của con người, đến đầu thế kỷ XX đã có làng, có tổng với cộng đồng cư dân từ nhiều nơi tụ về bởi “Đất lành chim đậu”. Từ khi có Đảng đến nay, nhất là thời kỳ 30 năm chiến tranh sau Cách mạng Tháng Tám, Hớn Quản có nhiều thay đổi cả địa giới hành chính lẫn đời sống xã hội và cộng đồng dân cư, việc tách, nhập và những diễn biến của thời cuộc hơn nửa thế kỷ qua làm cho các thế hệ nối tiếp khó theo dõi sự thăng trầm của lịch sử. Cho đến khi có Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ngày 11/8/2009), huyện Hớn Quản được tái lập và trở thành một trong mười huyện, thị của tỉnh Bình Phước, gần 10 vạn dân nơi đây đã rất đổi tự hào về vùng đất Hớn Quản xưa.

Sức mạnh mới của Hớn Quản đang được khơi dậy từ truyền thống yêu nước và cách mạng của các tầng lớp nhân dân trải qua hơn 80 năm qua. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân nơi đây từng bước đi vào đấu tranh, biểu dương lực lượng, góp phần thiết lập và xây dựng, củng cố thành quả cách mạng ở

địa phương. Đặc biệt là thời kỳ 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975), quân và dân Hớn Quản cùng toàn tỉnh, toàn miền vượt qua nhiều gian khổ ác liệt, kháng chiến chống xâm lược; trong đó những năm kháng chiến trường kỳ chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), Hớn Quản là chiến trường ác liệt với nhiều trận đánh trên quốc lộ 13, lập nên những chiến công oanh liệt, góp phần vào thắng lợi to lớn của toàn tỉnh, toàn miền. 35 năm sau giải phóng, nhân dân Hớn Quản dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện tiếp tục vượt qua nhiều khó khăn, ra sức lao động sản xuất, đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Truyền thống trong đấu tranh và xây dựng hơn 80 năm ấy cần được giữ gìn và phát huy trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, cũng như giáo dục cho các thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng ngày nay. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo biên soạn cuốn **“Lịch sử Đảng bộ huyện Hớn Quản (1930 - 2010)”**, nhằm ghi lại quá trình đấu tranh và xây dựng của Đảng bộ và nhân dân Hớn Quản trong 80 năm qua, làm tư liệu lịch sử phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện nhà, làm cơ sở cho niềm tự hào về truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm, đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Công trình là kết quả của sự nỗ lực và cố gắng của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy trong điều kiện huyện mới tái lập. Mặc dù những điều kiện vật chất còn nhiều khó khăn, nhưng huyện luôn nêu cao ý thức quyết tâm, tiếp thu học hỏi quá khứ, kế thừa kinh nghiệm lịch sử của Đảng bộ và những lớp cán bộ, đảng viên đi trước. Trong thời gian ngắn, với sự nhiệt thành hợp tác của nhóm biên soạn, việc sưu tầm và biên soạn, xuất bản thành sách đã hoàn thành để chào mừng 2 năm huyện tái lập với tên truyền thống xưa, chào mừng thắng lợi năm đầu tiên thực hiện đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và Đảng bộ địa phương 2010 - 2015, làm tiền đề cho chặng đường phát triển tiếp theo.

Nhân đây, xin chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, đảng viên cao tuổi Đảng đã nghỉ hưu là nhân chứng lịch sử của huyện trong các thời kỳ đấu tranh và xây dựng; cảm ơn các đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện qua các thời kỳ đã dành nhiều tâm huyết và cung cấp những tư liệu quý giá cho công trình lịch sử Đảng bộ huyện Hớn Quản. Chân thành cảm ơn toàn thể đồng bào, đồng chí đã đóng góp công sức cho sự nghiệp cách mạng ở Hớn Quản suốt 80 năm qua. Cảm ơn Khoa Lịch sử - trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã sưu tầm, biên soạn và cùng chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Mở đầu

ĐẤT VÀ NGƯỜI

HƠN QUẢN XƯA - NAY

I. VÙNG ĐẤT, ĐỊA DANH VÀ SỰ THAY ĐỔI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ

Hàng trăm năm trước, vùng Hơn Quản ngày nay chỉ có rừng rậm và sông suối, là vùng trung du đồi rừng còn thưa vắng bóng người, đây đó vài bộ phận nhỏ những người dân thuộc các tộc người thiểu số S'tiêng, M'nông, Ch'mạ, Ch'ro sinh sống, tụ thành sóc rải rác bên những bờ suối, bìa rừng. Sự khai phá cho mưu sinh của những cư dân còn thưa thớt ấy hàng trăm năm không làm thay đổi được cảnh hoang vu rậm rạp của những cánh rừng nguyên sinh luôn luôn tươi tốt trên nền đất đỏ badan màu mỡ miền Đông.

Công cuộc khai phá của các chúa Nguyễn từ thế kỷ XVII - XVIII đã làm cho xứ Đàng Trong ngày càng đông dân cư từ Đàng Ngoài đi vào sinh cơ lập nghiệp. Người Việt đi đến đâu cũng cùng với người dân bản địa và người dân đến trước tích cực lao động, tạo

dựng đồng ruộng và xóm làng, hình thành cộng đồng dân cư đông đúc. Dấu tích để lại ngày nay trên đất Hớn Quản còn thấy ở Xa Cát, Xa Cam, Đông Phát... những địa danh mà tên gọi mang đậm nét pha trộn của quá trình cộng cư, giao lưu đời sống kinh tế - văn hóa nhiều tộc người.

Quá trình cộng cư trải qua nhiều đời đã làm sinh sôi những thế hệ và cũng làm cho tiềm năng ẩn sâu trong rừng, trong đất được con người khai phá thành nương rẫy, đồng ruộng, vườn cây. Như thế lại phát sinh nhu cầu quản lý và bình trị miền đất mới đang trở thành đất lành chim đậu. Nhất là từ khi triều Nguyễn thiết lập và xây dựng phát triển trong nửa đầu thế kỷ XIX, những lớp cư dân người Việt ở miền Trung đi vào miền Đông Nam Bộ ngày càng đông, có cả những lớp binh lính đi thực hiện công cuộc doanh điền, làm cho vùng khai khẩn nơi đây ngày càng rộng mở, việc quản trị vùng đất sản nghiệp của cư dân càng trở nên cần thiết.

Chuyện về cha con ông Hớn từ đâu đến vùng đất này và vào thời điểm nào, hiện vẫn còn nhiều dị bản ở vùng Hớn Quản. Nhưng chất lọc giai thoại sẽ nhận ra ông là một trong những người lính thú thời chúa Nguyễn, đã đem gia đình cùng đi trấn thủ miền biên cương và sinh cơ lập nghiệp ở đây. Ông Hớn là người đức độ, tài năng, hay giúp đỡ mọi người, chỉ bảo điều hay lẽ phải, khuyên nhủ mọi người đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Những người như thế xuất hiện

trên vùng đất mới khai phá, thường khi còn sống sẽ được tôn vinh, khi mất đi sẽ được tôn thờ, có khi là thành hoàng, thổ địa.

Phải chăng vì thế mà người dân tứ xứ quần tụ về đây rất cần một người đứng đầu, đã tôn vinh ông Hớn làm người quản lý, bình trị; rồi gọi ông theo cách gọi bình dân là ông Hớn Quản. Khi ông mất đi, người dân tiếc thương và kính trọng đã lấy tên ông cùng với công lao vai trò của ông đặt tên cho làng, gọi là Hớn Quản.

Cũng có lý giải rằng ông Hớn người xứ Quảng. Là người đức độ và có nhiều công lao với dân làng, nên khi ông mất đi, người dân tiếc thương và kính trọng tôn thờ, đã lấy tên của ông cùng với quê hương xứ Quảng để đặt tên cho làng, gọi là Hớn Quảng. Lâu dần bà con đọc trại thành Hớn Quản như ngày nay.

Dù thế nào thì trong lòng người dân lao động tha phương đến vùng đất mới sinh nghiệp luôn tôn trọng những người có uy tín đức độ, khâm phục và làm theo những người tài giỏi có nghĩa khí. Đó là đạo đức và lễ sống của người công dân từ xa xưa còn truyền lại tới ngày nay.

Chuyện ông Hớn cũng như chuyện những người đến cư trú và khai phá vùng đất mới, thấy đất lành chim đậu, đã dừng chân tại mảnh đất Hớn Quản này, cùng với những người đi trước tiếp tục góp công góp sức mở mang, khai phá ruộng vườn và xây dựng xóm ấp, làm cho đất và người sinh sôi nảy nở. Từ nền tảng ban đầu căn bản ấy, khi nền hành chính địa phương

được thiết lập, địa danh Hớn Quản cũng được đưa vào hệ thống quản lý hành chính của triều Nguyễn từ khoảng giữa thế kỷ XIX.

Theo minh định của Nguyễn Hữu Cảnh, vâng mệnh chúa Nguyễn đi xác lập nền hành chính vào năm 1698, thì vùng đất Hớn Quản từ thế kỷ XVIII thuộc huyện Phước Long, phủ Gia Định. Bấy giờ huyện Phước Long Phủ Gia Định bao gồm địa bàn các tỉnh ở phía đông sông Sài Gòn là Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, một phần tỉnh Bình Thuận và một phần Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

Trong huyện Phước Long có đặt dinh Trấn Biên. Địa bàn các tỉnh Bình Dương và Bình Phước ngày nay thuộc về tổng Bình An của dinh Trấn Biên. Sau đó triều Nguyễn nâng huyện Phước Long lên thành phủ, thì tổng Bình An thuộc về trấn Biên Hòa và được nâng lên thành huyện Bình An, gồm 2 tổng là An Thủy và Bình Chánh. Vùng đất Hớn Quản nằm trong địa bàn tổng Bình Chánh huyện Bình An trấn Biên Hòa¹.

Đến đời Thiệu Trị (1840 - 1847), huyện Bình An thành lập thêm một số tổng mới, trong đó có tổng

1 Trần Bạch Đằng (chủ biên): *Địa chí tỉnh Sông Bé*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé, Sông Bé, 1991. Trong sách trang 166 ghi: “đại bộ phận địa bàn Sông Bé nay nằm trên địa phận huyện Bình An và một phần nữa (Phước Long nay) trên địa phận huyện Phước Chánh. Địa giới huyện Bình An nay tồn tại từ 1808 tới 1837, gồm có 2 tổng là Bình Chánh và An Thủy (...) An Thủy nay thành huyện Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, còn Bình Chánh nay thành các huyện Thuận An, Châu Thành, Bến Cát và Bình Long của tỉnh Sông Bé”.

Quản Lợi. Hớn Quản là một thôn nằm trong tổng Quản Lợi, huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa.

Thực dân Pháp xâm lược và thiết lập nền hành chính mới, chúng chia tỉnh Biên Hòa ra 5 địa hạt: (*inspection* hay *arrondissement*) trong đó có địa hạt Bình An, lỵ sở đặt tại Thủ Dầu Một. Đến năm 1869 lại đổi địa hạt Bình An thành địa hạt Thủ Dầu Một. Vùng Hớn Quản vẫn là một thôn thuộc tổng Quản Lợi và là trung tâm của tổng Quản Lợi, địa hạt Thủ Dầu Một.

Năm 1901, những người có chức sắc trong vùng đã kêu gọi nhân dân đóng góp xây dựng Đình thần Tân Khai để ghi nhớ công ơn những người khai phá xây dựng thôn làng và các bậc tiền hiền¹.

Năm 1906, thực dân Pháp tăng cường quản lý ở các vùng dân tộc thiểu số, thành lập Đại lý hành chính Hớn Quản (cùng lúc với Đại lý Bà Rá và đồn binh Bù Đốp).

Năm 1912, chính quyền thuộc địa tách một phần tỉnh Biên Hòa và một phần tỉnh Gia Định để thành lập tỉnh Thủ Dầu Một, Hớn Quản khi đó trở thành đơn vị hành chính cấp quận của tỉnh Thủ Dầu Một. Quận Hớn Quản gồm 3 tổng: Tân Minh (có 4 làng người Kinh là: Tân Quan, Tân Thành, Tân Phú, Tân Khai), Quản Lợi và Minh Ngãi (gồm các sóc người dân tộc thiểu số như: Sơn La, Sơn Dục, Lôi Sơn, Võ Tùng, Võ Rục).

¹ Trải qua hơn 100 năm, ngày nay Đình thần Tân Khai đã được duy tu bảo dưỡng và trở thành Di tích Lịch sử Văn hóa.

Với sự tăng cường kiểm soát của chính quyền thực dân, Pháp đã đặt được cơ sở cho sự khai thác về kinh tế của họ ở vùng đất này. Tận dụng tiềm năng về đất đai, thực dân Pháp đã tiến hành trồng cao su ở đây, thành lập các đồn điền, chiêu mộ công nhân từ nhiều nơi đến làm cho các khu vực dân cư của quận Hớn Quản được mở rộng hơn trước rất nhiều, hình thành thêm những tổng mới. Riêng vùng đồng bào dân tộc đã có tới 5 tổng Quản Lợi, Văn Hiến, Xa Cam, Xa Cát và tổng Man. Chính quyền thực dân cũng giao bộ máy hành chính địa phương cho giới chủ tư bản ở các đồn điền cao su nắm giữ để thuận lợi cho việc trồng và khai thác cao su. Từ đó bộ máy hành chính quận Hớn Quản nằm trong tay các chủ tư bản của Công ty Cao su Đất Đỏ (*Plantations des Terres Rouges*, thành lập năm 1908).

Sự đầu tư cho đồn điền cao su được đẩy mạnh và chiếm vị trí hàng đầu trong các ngành kinh tế của Pháp ở Đông Dương từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Điều này dẫn tới sự gia tăng không ngừng số lượng của những người công nhân cao su mà thời đó vẫn gọi là dân công-tra (*contrat*, nghĩa là hợp đồng). Đợt phát triển dân cư mạnh mẽ này làm cho các làng Việt được hình thành ngày càng nhiều và mở mang thêm ra tại những nơi trước đó còn hoang sơ. Cũng chính vì số lượng công nhân tập trung cao độ tại đây, mà cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện để phát triển từ rất sớm.

Suốt từ đầu thế kỷ XX cho đến năm 1954, Hớn Quản vẫn là một quận của tỉnh Thủ Dầu Một. Tuy

nhiên đến năm 1951, do yêu cầu lãnh đạo đấu tranh, trong hệ thống hành chính của cách mạng thì hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được hợp làm một (tức tỉnh Thủ Biên), quận Hớn Quản nằm trong tỉnh Thủ Biên.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Mỹ nhẩy vào thế chân Pháp, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta bằng việc thành lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Cùng với Mỹ, Diệm tiến hành cưỡng bức 1 triệu đồng bào theo đạo Thiên Chúa vào Nam, trong đó một bộ phận được di chuyển đến vùng Hớn Quản. Với đợt phát triển dân cư này, ở Hớn Quản tiếp tục có sự thay đổi về mặt hành chính khi chính quyền Diệm cho tách một số quận phía bắc của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa để lập hai tỉnh mới là Bình Long và Phước Long. Theo Sắc lệnh số 143/NV (ngày 22/10/1956), tỉnh Bình Long mới lập gồm 3 quận: An Lộc, Lộc Ninh và Chơn Thành. Quận An Lộc nguyên là quận Hớn Quản trước đây, vào thời điểm hình thành, quận An Lộc có 14 xã người Kinh và 29 xã người dân tộc; quận Chơn Thành trong thực tế đến năm 1964 mới thành lập. Năm 1972, quận An Lộc còn 12 xã, 41 ấp.

Về phía cách mạng vẫn duy trì huyện Hớn Quản trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ. Mặc dù từ năm 1961 tỉnh Bình Long được thành lập và chia thành 3 quận mang mật danh C.45, C.55, C.65 (địa bàn Hớn Quản thuộc C.55), nhưng trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộ và trong hoạt động thực tế, tên gọi Hớn Quản vẫn được sử dụng phổ biến.

Sau ngày 30/4/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sắp xếp lại hành chính các tỉnh, thành lập tỉnh Sông Bé gồm có thị xã Thủ Dầu Một và các huyện: Lộc Ninh, Hớn Quản, Chơn Thành, Bù Đốp, Tân Uyên, Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Bình, Dầu Tiếng, Bến Cát, Lái Thiêu, Dĩ An, Phú Giáo.

Năm 1977, tổ chức hành chính tỉnh Sông Bé rút gọn lại, 3 huyện Lộc Ninh, Hớn Quản và Chơn Thành được sáp nhập lại thành huyện Bình Long¹. Bình Long trở thành một huyện lớn về diện tích và dân số của tỉnh Sông Bé.

Đến tháng 2/1978, lập lại huyện Lộc Ninh theo địa giới quận Lộc Ninh cũ. Huyện Bình Long còn lại gồm các xã của Hớn Quản cũ và các xã của Chơn Thành cũ, lấy An Lộc làm thị trấn huyện lỵ.

Ngày 6/11/1996, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định chia tách tỉnh Sông Bé thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Bình Long - trong đó có Hớn Quản, là một trong 6 huyện, thị của tỉnh biên giới Bình Phước².

Đầu năm 2003, trên cơ sở dân số phát triển và theo yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội, tỉnh Bình Phước thành lập thêm 2 đơn vị hành chính cấp huyện mới là huyện Chơn Thành (tách ra từ huyện Bình Long)

1 Theo Quyết định số 55-CP của Chính phủ ký ngày 11/3/1977.

2 Gồm các huyện: Bình Long, Đồng Phú, Lộc Ninh, Bù Đăng, Phước Long và thị xã (tỉnh lỵ) Đồng Xoài.

và huyện Bù Đốp (tách ra từ huyện Lộc Ninh). Bình Long còn lại vùng đất Hớn Quản xưa và thị trấn An Lộc, trở thành một trong 8 huyện thị của tỉnh Bình Phước, với diện tích 762,52 km²; dân số 143.530 người, gồm 14 xã, thị trấn, 144 ấp.

Ngày 1/11/2009, trên cơ sở hành chính của huyện Bình Long từ năm 2003, tách thị trấn An Lộc cùng với 2 xã Thanh Phú, Thanh Lương để thành lập thị xã Bình Long. Phần còn lại (gồm 12 xã: Tân Khai, Thanh Bình, Minh Đức, Minh Tâm, Đồng Nơ, Tân Hiệp, An Phú, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, Thanh An, An Khương) và xã Tân Quan (huyện Chơn Thành), đổi tên thành huyện Hớn Quản¹. Huyện Hớn Quản có diện tích 661,85 km²; dân số 93.981 người²; Huyện lỵ đặt tại xã Tân Khai.



Xa xưa ở vùng đất Hớn Quản chỉ có từng bộ phận nhỏ người S'tiêng, sống thưa thớt. Đến khi chúa Nguyễn cho mở mang đất đai về phương Nam thì những lưu dân và binh lính người Việt mới bắt đầu đến khai phá vùng đất này, lập nên những làng của người Việt cùng chung sống hòa thuận với đồng bào các dân tộc thiểu số vốn là những cư dân đầu tiên ở đây.

1 Hớn Quản là một trong 10 huyện, thị của tỉnh Bình Phước.

2 Niên giám thống kê năm 2009 - huyện Hớn Quản. Tài liệu do Phòng Thống kê huyện Hớn Quản cung cấp.

Đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa, thiết lập những đồn điền cao su, tuyển mộ nhiều công nhân từ các nơi khác đến, làm tăng nhanh dân số trong vùng. Công nhân chủ yếu là những người nông dân miền Bắc, miền Trung, nhất là các tỉnh đồng Bằng Bắc bộ đi công-tra lên vùng đất còn nhiều hoang sơ này. Công ty Cao su Đất Đỏ của Pháp (có nhiều đồn điền khác nhau ở Đông Nam Bộ, nhưng chủ yếu là ở Hớn Quản và Lộc Ninh bây giờ) từ năm 1914 đến tháng 10/1955 chiêu mộ được 421.000 dân phu. Sự có mặt của những người dân phu công-tra đã góp phần làm thay đổi bộ mặt Hớn Quản một cách nhanh chóng; bằng mồ hôi và xương máu của họ, những cây cao su cứ ngày càng phát triển xanh tốt lên, làm giàu cho tư bản đồn điền Pháp. Những người công nhân này, một bộ phận đã phải vĩnh viễn nằm lại vùng đất Hớn Quản, một bộ phận đông hơn sinh cơ lập nghiệp tại đây, đã góp phần rất lớn vào sự phát triển dân số trong vùng.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, nhất là những năm chiến tranh, vùng đồn điền và rừng núi Hớn Quản tiếp tục là nơi hoạt động của nhiều lực lượng kháng chiến. Đồng bào Kinh, đồng bào dân tộc và cán bộ, chiến sĩ cách mạng về sinh sống và hoạt động làm cho dân số Hớn Quản tăng thêm hàng ngàn người.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Mỹ nhảy vào thế chân Pháp và dựng lên chế độ Ngô Đình Diệm. Chính quyền Sài Gòn đưa một số giáo dân, người di

cư và số binh lính người Nùng ở Quảng Ninh cùng với gia đình họ vào định cư trong các đồn điền Quán Lợi, Xa Trạch, lập ra những xứ đạo quy tụ dân cư ngày một đông đúc.

Trong những năm 1956 - 1960, thực dân Pháp thực hiện ý đồ lập các trại tập trung, khu dồn dân, xây dựng khu dinh điền, khu trù mật để kìm kẹp nhân dân, tách rời quần chúng nhân dân với lực lượng cách mạng, đồng thời khủng bố gắt gao ở các vùng kháng chiến cũ. Vì vậy, nhiều bộ phận dân cư ở các miền Trung (Quảng Nam, Quảng Ngãi), nhất là những người kháng chiến cũ, phải rời bỏ quê hương, đi lên vùng rừng núi, đồn điền miền Đông Nam Bộ, trong đó có một bộ phận đồng bào đến vùng Hớn Quản sinh cơ lập nghiệp. Tại đây chúng lập ra các khu dinh điền mang tên Văn Hiến I, Văn Hiến II. Cũng có nhiều người yêu nước ở các tỉnh Biên Hòa, Bến Tre, Gia Định, Tây Ninh trước sự khủng bố tàn bạo của luật phát xít 10/59, đã lưu tán hoặc điều lắng lên vùng đồn điền cao su Quán Lợi, Xa Trạch, sóc Tranh để làm ăn sinh sống và tiếp tục hoạt động cách mạng.

Những năm 1966 - 1967, các chiến dịch phản công của địch liên tục mở ra ở Long Nguyên - Bến Cát - Củ Chi (vùng "tam giác sắt"), buộc hàng ngàn đồng bào phải tản cư lên vùng Hớn Quản, An Lộc để tránh bom đạn.

Sau giải phóng 1975, Hớn Quản cũng trở thành nơi sinh sống thuận lợi cho nhiều bộ đội cán bộ,

chiến sĩ quê miền Bắc, miền Trung xuất ngũ, phục viên, nhưng đông nhất vẫn là bộ phận nhân dân hồi hương, trở về quê cũ làm ăn; đặc biệt Hớn Quản còn đón nhận hàng ngàn đồng bào đến xây dựng kinh tế mới, từ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Thái Bình, Hà Sơn Bình...

Như thế, đến sau giải phóng, dân số Hớn Quản tăng lên gấp đôi so với đầu thế kỷ XX, gồm nhiều thành phần dân tộc và tôn giáo, từ nhiều tỉnh thành cả nước, do nhiều hoàn cảnh và lý do khác nhau đến sinh cơ lập nghiệp, cùng làm cho biểu đồ dân cư các xã, thị trấn thay đổi nhanh chóng.

Đến năm 2009, tỷ lệ tăng dân số cơ học của huyện Hớn Quản là 1,5%¹. Hớn Quản đang phát triển trở thành vùng đất có nhiều thuận lợi cho việc an cư lạc nghiệp lâu dài.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Hớn Quản có nhiều thuận lợi về thổ nhưỡng để phát triển ngành trồng cây công nghiệp như: cao su, điều, hồ tiêu, cà phê... Đất badan có nhiều loại feralit màu nâu đỏ, nâu xám cùng với một ít đất xám được tạo nên bởi nham thạch do núi lửa phun trào hàng triệu năm về trước, cùng với thảm thực vật tự nhiên dày đặc, tạo nên lớp trầm tích màu mỡ chứa nhiều khoáng chất như: photpho, kali, sắt, magiê, rất tốt cho sự phát triển của cây trồng cho sản lượng cao.

1 Niên giám thống kê năm 2009 - huyện Hớn Quản.

Khí hậu Hớn Quản nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa ổn định, một năm chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa khí hậu nóng ẩm khởi đầu từ giữa tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 11 Dương lịch; mùa khô khí hậu có phần mát mẻ hơn, bắt đầu từ tháng 12 cho đến cuối tháng 4 năm sau. Mỗi năm bình quân có trên 100 ngày mưa, nhiều nhất từ tháng 5 đến tháng 8, lượng mưa bình quân khoảng 2.300 mm.

Địa hình Hớn Quản không có núi cao, chỉ có một số ngọn đồi thấp thoải dần theo hướng bắc - nam, mang tính chất địa hình đồi gò của vùng trung du.

Hớn Quản nằm trên lưu vực hai con sông lớn của miền Đông Nam Bộ là sông Sài Gòn ở phía tây (chảy qua huyện với chiều dài khoảng 50 km) và sông Bé ở phía đông (chiều dài khoảng 60 km). Hai đoạn sông này ít có giá trị về mặt giao thông¹ (do lòng sông hẹp và nhiều đá ngầm, lưu lượng nước ít), nhưng có giá trị điều tiết khí hậu và cung cấp nước tưới cho cây trồng. Ngoài ra, Hớn Quản còn có một số dòng suối chảy theo hướng tây bắc - đông nam, như suối Xa Cát, suối Xà Ních, suối Hốt, suối Đak Gio, làm cho nguồn nước cho sinh hoạt và trồng trọt khá dồi dào. Một số nơi còn

1 Đầu thế kỷ XX, khi giao thông đường bộ (đường 13) chưa được phát triển, thì 2 con sông này lại có ý nghĩa rất lớn về mặt giao thông. Nhiều nhà thám hiểm Pháp như Maitre và Henry Mouhot đã ca ngợi con sông Bé là “con sông tuyệt vời”, nối liền vùng rừng núi đất đỏ Campuchia và Tây Nguyên, cũng như nối liền với sông Đồng Nai đi về Cảng Sài Gòn, làm cho việc khai thác tài nguyên ở Nam Đông Dương và xuất khẩu qua cảng Sài Gòn trở nên thuận tiện hơn.

có các bưng bầu sẵn nước, thuận tiện cho trồng lúa và cây ăn trái như ở Lợi Hưng, Xacôlết.

Giao thông ở Hớn Quản chủ yếu là đường bộ. Con đường lớn nhất là quốc lộ 13, nối Hớn Quản với Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh ở phía nam, với Lộc Ninh ở phía bắc và chạy sang tận biên giới Campuchia. Đó là con đường huyết mạch chạy xuyên suốt chiều dài huyện, có ý nghĩa to lớn về phát triển kinh tế và quốc phòng. Hiện nay quốc lộ 13 đã được đầu tư nâng cấp mở rộng và hiện đại hóa, thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hóa và đảm bảo an ninh quốc phòng.

Ngoài ra, Hớn Quản còn có hàng trăm kilômét đường liên xã, liên thôn và đường lô cao su, trong đó đa số đã được trải nhựa, tạo nên hệ thống giao thông thuận tiện từ huyện lỵ đến các xã, ấp, thôn xóm toàn huyện.

Với vị trí địa lý và giao thông như vậy, Hớn Quản từ xưa đã là một địa phương nằm trong “khu đệm” nối phía bắc và đông bắc Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) với vùng núi cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, nối tiếp với vùng biên giới Campuchia. Vì vậy cùng với Lộc Ninh, Hớn Quản có nhiều vùng gắn liền vào hệ thống các căn cứ địa vững chắc của miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ - nơi cách mạng có nhiều thuận lợi để vừa xây dựng lực lượng vũ trang, kho tàng hậu cần (lương thực, vũ khí) để sẵn sàng phục vụ cho chiến tranh; vừa có khả năng để phát triển thế tiến công xuống đồng bằng và đô thị uy hiếp địch; lại vừa có thể tiếp

nhận nguồn chi viện từ hậu phương, cũng như khai thác nguồn cung cấp vật chất của nhân dân trong vùng địch tạm chiếm. Trong thời kỳ 1954 - 1975, địch đã chọn Hớn Quản cùng với thị xã An Lộc (nay là thị xã Bình Long) làm một trong những cứ điểm phòng thủ kiên cố phía tây bắc Sài Gòn. Hớn Quản và thị xã An Lộc trong chiến tranh là những chiến trường nóng bỏng ở miền Đông Nam Bộ.

Từ sau giải phóng đến nay, vị trí chiến lược của Hớn Quản để phát triển kinh tế trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh và toàn vùng cũng khá nổi bật. Không chỉ là đầu mối giao thông nối các trung tâm phát triển kinh tế, khoa học, kỹ thuật của các địa phương trong tỉnh và các tỉnh thành xung quanh, Hớn Quản còn là vùng nguyên liệu nông sản phong phú, vùng tiềm năng đất đai và lao động dồi dào, làm cho thế mạnh của địa phương đóng góp vào thế mạnh của toàn tỉnh, toàn vùng càng trở nên to lớn, đảm bảo cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Về dân cư: Hớn Quản ngày nay là một cộng đồng đa dân tộc, trong đó người Kinh chiếm đa số với hơn 80,4%, người S'tiêng đứng thứ hai với 17,5%; còn lại khoảng 2,1% là người Tày, Thái, Mường, Khmer, Hoa, Nùng, Giáy¹.

Người S'tiêng có lịch sử cư trú lâu đời ở Hớn Quản, có đời sống văn hóa tinh thần ngày càng phát triển.

1 Niên giám thống kê năm 2009 - huyện Hớn Quản. Số liệu tính đến 31/12/2009.

Người S'tiêng có truyền thống làm nhà sàn để ở bằng vật liệu gỗ, tranh tre, lồ ô; nhưng nay hòa nhập với cuộc sống hiện đại, nhiều nơi đồng bào S'tiêng đã làm nhà trệt như người Kinh, bằng cả vật liệu gạch, tôn; nhiều căn nhà của đồng bào S'tiêng khang trang và tiện dụng.

Về ăn mặc, trang phục truyền thống của người S'tiêng đối với nam giới là cởi trần bận khố, phụ nữ thì mặc váy dệt hoa văn sắc sảo và tinh tế. Ngày nay, thanh niên nam nữ S'tiêng ăn mặc đẹp và kiểu dáng với quần áo sơ mi, nữ cũng mặc áo sơ mi và quần xà-rông. Trong những ngày lễ truyền thống, nét đẹp văn hóa S'tiêng được cả đồng bào dân tộc và người Kinh, Khmer cùng thể hiện rất hòa hợp.

Người S'tiêng còn là những người thợ thủ công khéo tay và có óc sáng tạo trong việc đan lát, chế tạo công cụ lao động và nhất là nghề dệt cổ truyền. Ngày nay, nhiều nét truyền thống của người S'tiêng vẫn được bảo lưu trong gia đình, đặc biệt là chế độ mẫu hệ đã có từ lâu đời, người phụ nữ luôn có một vị trí quan trọng trong gia đình cũng như trong cộng đồng của người S'tiêng. Có thể nói bản tính người S'tiêng là những con người thật thà, chất phác, thích sống tự do và gần gũi với thiên nhiên; biết thương yêu và đùm bọc lẫn nhau trong cuộc sống; họ còn là những người rất mực thủy chung, ghét kẻ ác độc, xấu bụng, dối trá và trộm cắp.

Trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng của người S'tiêng là tôn thờ ông Giàng (tượng trưng cho Trời). Giàng đại diện cho mọi uy quyền và sức mạnh của

thiên nhiên. Cứ vào mùa phát rẫy làm nương (khoảng tháng 3, tháng 4 Âm lịch) thì người S'tiêng lại tổ chức lễ “Cúng rẫy” để cầu xin Giàng ban cho một vụ mùa bội thu, cầu cho mọi người dân trong sóc đều được khỏe mạnh, ấm no, vui vẻ. Ngày lễ lớn nhất trong năm là ngày lễ “Cúng lúa”, khi đã vào mùa gặt hái, là tháng cuối của mùa mưa chuyển sang mùa khô. Đây là lúc kết thúc một năm làm việc vất vả, thu được những thành quả trong lao động. Nên mọi người tổ chức giải trí, vui chơi và chúc tụng nhau; đồng bào giết heo, đâm trâu, lấy phần đầu làm vật phẩm để cúng tế trời, còn thịt thì xả ra cho mọi người cùng nhau ăn vui vẻ. Trong và sau khi ăn, để mừng mùa vụ, mọi người ca hát, nhảy múa tập thể. Góp vui trong ngày lễ có các nhạc cụ truyền thống của người S'tiêng như cây đờn đinh làm bằng thân cây lồ ô và trái bầu, công chiêng, trống và sáo.

Người Khmer cũng định cư ở Hớn Quản từ khá sớm. Trước đây họ sống bằng nghề làm rẫy, săn thú, một số người buôn bán và dùng voi để chuyên chở hàng hóa đi các nơi xa. Người Khmer cũng nuôi nhiều bò để làm sức kéo phục vụ cho việc chuyên chở hàng hóa mua bán giữa các vùng, nhất là vùng có người S'tiêng sinh sống, tạo được mối quan hệ thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau giữa các cộng đồng dân cư. Ngày nay, hoạt động kinh tế của người Khmer đã có nhiều thay đổi với nhiều loại hình lao động trồng cây công nghiệp, dịch vụ.

Người Khmer cũng làm nhà sàn truyền thống để ở (kiểu nhà sàn gần giống của người Ấn Độ), tin theo

đạo Phật, sống tu nhân tích đức. Lễ hội của người Khmer cũng có lễ “Cúng rẫy” vào tháng 3, tháng 4 Âm lịch và lễ mừng lúa mới vào cuối năm. Trong ngày lễ “Cúng rẫy”, người Khmer không đâm trâu, ăn thịt mà chỉ cúng hoa quả, xôi nếp; còn vào lễ mừng lúa mới thì được phép làm thịt gà và những súc vật khác.

Người Kinh (Việt) ngày càng chiếm tỷ lệ lớn trong cộng đồng các dân tộc ở Hớn Quản, đã trải qua nhiều thế kỷ cùng chung sống với các dân tộc S’tiêng, Khmer và nhiều dân tộc khác từ nhiều nơi khác đến. Người Việt nhanh chóng hòa nhập cùng đời sống của cộng đồng các dân tộc ở đây, sớm phát huy những thế mạnh của đời sống kinh tế - văn hóa vốn đã rất phát triển từ miền Trung, miền Bắc trên vùng đất mới. Người Việt sống đan xen cùng các dân tộc khác và ra sức lao động sản xuất; vừa hòa nhập vừa giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của mình trong cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Với vai trò ngày càng quan trọng của mình, văn hóa của người Việt đã trở thành hạt nhân của đời sống văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở đây, làm phong phú thêm cho nền văn hóa vốn đã rất đa dạng của người S’tiêng, Khmer, Hoa, Tày, Thái, Mường. Sự hòa nhập một cách rất nhanh chóng đó đã trở thành nhân tố góp phần đoàn kết cộng đồng dân cư ở Hớn Quản, mọi dân tộc vừa sát cánh trong lao động sản xuất, vừa đi chung con đường đấu tranh yêu nước, giữ gìn và xây dựng quê hương.

Chương 1

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở HƠN QUẢN (1930 - 1945)

I. ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC VÙNG HƠN QUẢN ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC

Năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng xâm lược nước ta tại Đà Nẵng. Năm 1859, quân Pháp chuyển hướng tấn công vào đất Nam Bộ và từ đó đạo quân xâm lược của thực dân thu được kết quả lớn: năm Nhâm Tuất 1862, triều đình phải ký hòa ước dâng 3 tỉnh miền Đông cho Pháp¹. Thực dân Pháp nhanh chóng đặt ách đô hộ lên vùng đất mới chiếm được, nhưng chúng đã vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ của đồng bào các dân tộc trên miền Đông Nam Bộ, trong đó có nhân dân Hơn Quản.

1 Gia Định, Biên Hòa và Định Tường, các tỉnh này gần tương ứng với miền Đông Nam Bộ hiện nay.

Thời gian đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp đã nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa khác nhau. Trong đó có cuộc khởi nghĩa của con trai Trương Định là Trương Quyền, liên minh với lực lượng của nhà sư yêu nước Pô Cum Pô (người Khmer) diễn ra từ năm 1864 trên một địa bàn rộng lớn ở vùng rừng núi tỉnh Biên Hòa dọc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia. Cuộc khởi nghĩa đã gây ảnh hưởng tích cực và nhận được sự hưởng ứng nhiệt thành của đồng bào S'tiêng, Khmer trên địa bàn Hớn Quản, Phước Long. Được sự hưởng ứng của đồng bào, cộng thêm với địa hình núi rừng hiểm trở, nghĩa quân gồm người Việt, S'tiêng, Khmer đã tổ chức cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp hàng chục năm liền, gây thiệt hại lớn cho đạo quân xâm lược. Tình đoàn kết đấu tranh chống xâm lược của đồng bào các dân tộc ở Hớn Quản và các vùng lân cận (thuộc Bình Phước, Tây Ninh ngày nay) đã được thể hiện rất rõ nét ngay từ những buổi đầu đánh Pháp.

Những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp triển khai chương trình khai thác thuộc địa trên toàn cõi Đông Dương. Riêng ở Đông Nam Bộ nước ta, Pháp ráo riết cướp đoạt đất đai của đồng bào các dân tộc để lập đồn điền. Pháp còn cho thiết lập các đại lý hành chính¹ ở Hớn Quản, Bà Rá và đồn binh Bù Đốp để siết chặt ách kiểm soát đối với vùng các dân tộc ít người mà Pháp gọi là “các tổng Mọi”,

1 Dịch từ tiếng Pháp “délégation”, nguyên gốc có nghĩa là đại biểu, đại diện; sự ủy quyền, ủy thác.

làm cho bầu không khí cuộc sống các đồng bào dân tộc Hớn Quản ngày càng thêm ngọt ngào. Tình trạng này khiến cho mâu thuẫn giữa đồng bào với chế độ thực dân và các chủ đồn điền ngày càng trở nên gay gắt, đến một mức nào đó sẽ bùng phát thành những cuộc khởi nghĩa có ảnh hưởng to lớn trên toàn vùng miền Đông.

Năm 1908, ở vùng Lộc Ninh, dưới sự vận động và lãnh đạo của Điểu Dố, một thủ lĩnh của người S'tiêng, đã có rất đông đồng bào người S'tiêng, Châu Ro, Mạ, Tà Mun, M'ông trong đó các dân tộc ở Hớn Quản cũng tích cực tham gia nghĩa quân của ông Dố, đứng lên khởi nghĩa đánh Pháp. Nghĩa quân chỉ có những vũ khí thô sơ như giáo mác, cung tên, cây rừng vót nhọn nhưng tinh thần chiến đấu thì vô cùng anh dũng. Nhân dân kể lại rằng, mỗi khi xung trận, ông Điểu Dố thường cưỡi bò mộng, mang tên ná, có trận ông giết được cả chục tên lính Pháp. Tinh thần chiến đấu mạnh mẽ của nghĩa quân đã khiến người Pháp phải vất vả đưa quân lên để đàn áp, nhưng vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của nghĩa quân. Pháp phải nhiều lần tăng quân, liên tục mở những cuộc càn quét với quy mô lớn. Do chênh lệch về vũ khí và lực lượng, nghĩa quân của ông Dố phải rút về Nhà Mát (thuộc xã Long Nguyên, huyện Bến Cát). Giặc ráo riết truy kích, nhưng ông và nghĩa quân vẫn chiến đấu quyết liệt cho đến lúc hy sinh chứ không chịu khuất phục kẻ thù.

Cuộc khởi nghĩa của thủ lĩnh Điểu Đỗ chống lại quân Pháp xâm lược tuy thất bại, nhưng đó là lời cảnh báo đanh thép đối với người Pháp về tinh thần yêu nước, sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ quê hương của đồng bào các dân tộc tại vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ; cuộc khởi nghĩa đã có những ảnh hưởng tích cực trong việc khơi dậy lòng yêu nước trong nhân dân bởi ấn tượng sâu sắc và mạnh mẽ của hình ảnh những nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng và hy sinh.

Những năm tiếp theo, tinh thần kháng chiến chống thực dân của đồng bào S'tiêng và các dân tộc ít người ở vùng rừng núi miền Đông không những không giảm đi, mà còn ngày càng mạnh mẽ hơn trước. Từ năm 1912 đến năm 1916, cuộc khởi nghĩa do N'Trang Lơng lãnh đạo đã lan rộng ra từ Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ, thu hút được sự tham gia của nhiều đồng bào dân tộc. Ở Hớn Quản, nhân dân đã tham gia hưởng ứng cuộc nổi dậy do R'Đông - một thủ lĩnh người S'tiêng, khởi xướng, cũng nằm trong phạm vi cuộc khởi nghĩa của N'Trang Lơng, làm nên nhiều chiến công lẫy lừng.

Khoảng năm 1924 - 1925, thực dân Pháp đưa tên Đại úy Gatille làm quản đạo khu vực Bù Đốp và vùng tiếp giáp với biên giới Campuchia. Gatille cho thi hành chính sách cai trị hết sức tàn bạo. Thủ lĩnh R'Dinh lại đứng lên tập hợp lực lượng nghĩa quân chống Pháp. Đồng bào S'tiêng ở miền Đông Nam Bộ (trong đó có Hớn Quản) hăng hái có mặt trong hàng

ngũ nghĩa quân, tổ chức thành công trận phục kích giết chết Gatille, làm nức lòng nhân dân trong vùng cũng như các địa phương lân cận.

Mặc dù đã giành được một vài thắng lợi, nhưng những cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc ở Hớn Quản cũng như ở miền Đông Nam Bộ hầu hết đều bị thực dân Pháp đàn áp và dập tắt. Nguyên nhân chủ yếu là đồng bào chưa có một định hướng đấu tranh đúng đắn và phù hợp, không có tổ chức và hầu hết là những cuộc nổi dậy tự phát. Vì thế mà các cuộc khởi nghĩa tuy thường diễn ra trên một địa bàn rộng lớn nhưng lại thiếu sự liên kết với nhau, làm cho thực dân Pháp dễ dàng cô lập và đàn áp. Sự chênh lệch quá lớn về tương quan lực lượng và vũ khí trang bị cũng là một nguyên nhân quan trọng, nhưng không phải là không khắc phục được. Những người nghĩa quân S'tiêng hay các dân tộc khác đều đã vào trận với tinh thần anh dũng, nhưng đối đầu với kẻ thù mạnh hơn mình gấp trăm nghìn lần mà chỉ biết giáp mặt đánh nhau thì khó tránh khỏi thất bại.

II. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CAO SU VÙNG HỚN QUẢN

Ngay từ khi thực dân tư bản Pháp đặt chân tới Hớn Quản, đồng bào các dân tộc thiểu số trong các buôn sóc đã cùng những dân phu cao su trong các đồn điền đã đứng lên đấu tranh mạnh mẽ. Qua đó mà ý thức đoàn kết, tương trợ gắn bó với nhau đã trở thành

một truyền thống đẹp được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa nhằm bù đắp những thiệt hại to lớn do chiến tranh gây ra. Ở Việt Nam, chúng triển khai chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai với quy mô lớn, tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, tiến hành lập các đồn điền cao su. Ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ trong đó có Hớn Quản vốn đầu tư trồng cao su năm 1919 lên tới 40 triệu phorăng. Tính chung trong toàn miền, năm 1914 mới có 15.000 ha, đến năm 1929 tăng lên 83.332 ha. Đi cùng với việc tăng diện tích đồn điền cao su là sự phát triển về số lượng độ ngũ công nhân. Từ năm 1914 đến 1955, chỉ riêng Công ty Cao su Đất đỏ đã chiêu mộ được 421.000 phu công nhân¹.

Dưới ách cai trị của thực dân Pháp, đời sống của người phu cao su ngày càng khổ cực, bị áp bức bóc lột thậm tệ. Hớn Quản cũng như toàn bộ miền Đông Nam Bộ được coi là “địa ngục cao su”, nơi đã có biết bao người dân công-tra phải bỏ mình lại mà không thể trở về cố hương. Đó cũng là nơi mà người phu cao su phải chịu những trận đòn roi nhiều như cơm bữa, phải nhận những đồng lương chết đói sau những ngày lao động quần quật suốt mười mấy tiếng đồng

1 Đảng bộ huyện Bình Long: Bình Long truyền thống đấu tranh và xây dựng 1930 - 2000, Ban Thường vụ Huyện Ủy Bình Long xuất bản năm 2002. Trang 31.

hồ, trong những điều kiện lao động cực khổ nhất mà thực dân Pháp đã tạo ra. Đó cũng là nơi mà sự áp bức, bóc lột bị đẩy lên đến tột đỉnh và đã khiến một bộ phận không nhỏ những dân phu cảm thấy uất ức, đứng dậy đấu tranh để tìm lối thoát cho mình, nhưng tất cả những gì mà họ làm đều rơi vào tình trạng bế tắc. Chính vì thế “địa ngục cao su” cũng trở thành mảnh đất tốt cho những “hạt giống đỏ” của Đảng nảy mầm.

Trong hoàn cảnh bị đọa đầy, vùi dập, ý thức đấu tranh của công nhân, nông dân, đồng bào dân tộc luôn sôi sục. Công nhân ở khu vực Chợ Thành, Hớn Quản nhiều lần đứng lên đấu tranh với nhiều hình thức khác nhau như: bỏ trốn, đòi tăng lương giảm giờ làm, bạo động. Tại khu vực Hớn Quản, tiêu biểu có cuộc đấu tranh của công nhân ở Xa Trạch, Quản Lợi... Theo số liệu thống kê tại Chợ Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, năm 1927 có 3.824 dân phu bỏ trốn, đến năm 1928 tăng lên đến 4.484 người.

Lực lượng công nhân cao su đã có mặt ở Hớn Quản từ đầu thế kỷ XX, cũng bị kẻ địch bóc lột, đàn áp dã man, nhưng nếu cứ đấu tranh theo kiểu “tức nước vỡ bờ”, bùng ra một cách tự phát và chỉ đòi những quyền lợi kinh tế ngay trước mắt thì khó mà thành công.

Sự có mặt và hoạt động mạnh mẽ của các hội viên *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* trên địa bàn Nam Kỳ, trong đó quan trọng nhất chính là chủ

trương “vô sản hóa” từ năm 1928, đã tạo nên những thay đổi lớn trong cuộc đấu tranh yêu nước. Những hội viên đầu tiên đã bắt đầu về hoạt động và sinh hoạt cùng anh em công nhân ở trong các đồn điền cao su, đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng từ đó đã tạo được tác dụng hết sức tích cực, tạo nên bước ngoặt lớn trong nhận thức và hành động của đội ngũ công nhân và đồng bào các dân tộc vùng Hớn Quản những năm sau đó.

III. TỪ NHỮNG HẠT GIỐNG ĐỎ, ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Năm 1927, Kỳ bộ Nam Kỳ của “*Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*” dưới sự tổ chức lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc ra đời, với chủ trương “vô sản hóa” vào cuối năm 1928, đã tạo điều kiện cho nhiều hội viên đi vào làm phu, làm thợ trong các nhà máy, đồn điền để tuyên truyền và xây dựng tổ chức cách mạng. Không khí cách mạng đã lan ra nhanh chóng trong hàng ngũ của công nhân cao su từ đó.

Tháng 4 năm 1928, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Phú Riềng được thành lập gồm 5 người do đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh làm Bí thư. Đây được coi là tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản đầu tiên ở vùng và trở thành lực lượng lãnh đạo chủ chốt cho phong trào đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng. Dưới sự lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách

mạng Thanh niên Phú Riềng, ngày 20/10/1929 đã nổ ra một cuộc bãi công lớn ở Phú Riềng với số lượng lên tới hơn 2.000 người. Hưởng ứng phong trào của công nhân Phú Riềng, các cuộc bãi công ở các đồn điền như Xa Cam, Xa Cát, Lộc Ninh, Dầu Tiếng... cũng nổ ra mạnh mẽ.

Ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản đảng ở Phú Riềng được thành lập (Chi bộ Phú Riềng), đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là tổ chức cộng sản đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Phú Riềng, phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra rất sôi nổi ở khắp các đồn điền như Xa Trạch, Xa Cam, Xa Cát... với nhiều hình thức đấu tranh khác nhau.

Ngày 3/2/1930, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Phú Riềng, 5.000 công nhân Phú Riềng đã đồng loạt tổng bãi công, làm nên sự kiện “Phú Riềng đỏ” gây rung chuyển cả hệ thống đồn điền cao su ở Đông Dương, gây chấn động dư luận trong nước và nước Pháp, tác động sâu sắc đến phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Cát.

Trước làn sóng cách mạng lên cao, thực dân Pháp đã tăng cường khủng bố, thẳng tay đàn áp lực lượng cách mạng, đánh phá cơ sở Đảng, quần chúng yêu nước. Chúng ra sức lùng sục, bắt bớ nhiều đảng viên, cán bộ nghiệp đoàn và hàng trăm công nhân. Với chính sách khủng bố đẫm máu của thực dân Pháp, phong

trào đấu tranh của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ lâm vào tình thế khó khăn.

Thực dân Pháp tưởng đã tiêu diệt và dập tắt được phong trào cách mạng, nhưng phong trào vẫn liên tục diễn ra khắp mọi nơi, và dần được khôi phục, với những cuộc đấu tranh của công nhân ở đồn điền cao su ở Dầu Tiếng, Biên Hòa.

Chi bộ Phú Riềng từ giữa năm 1930 do đồng chí Trần Tử Bình làm Bí thư, hoạt động mạnh trong công nhân và đồng bào dân tộc ít người, nhằm vận động quần chúng, đồng bào các dân tộc tham gia chống Pháp, với nhiều hình thức khác nhau: tham gia kết nghĩa anh em và ăn thề với một số chủ làng, sống chan hòa với đồng bào dân tộc, nhiều người Kinh đã đi vào trong các buôn sóc để giúp đỡ, chữa bệnh cho đồng bào, đồng thời tuyên truyền đường lối cách mạng rộng khắp trong các bản làng dân tộc thiểu số. Nhờ đó mà đồng bào các dân tộc được giác ngộ và tích cực ủng hộ các phong trào cách mạng của công nhân cao su.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Phú Riềng, phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su trong các đồn điền và nhân dân trên địa bàn Hớn Quản, Chơn Thành bước đầu có những phát triển, niềm tin của quần chúng ngày càng lên cao, uy tín của Chi bộ Đảng Phú Riềng được củng cố, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào đấu tranh của nhân dân trong vùng bước sang một thời kỳ đấu tranh mới.

Giữa năm 1930, nhân sự kiện công nhân người Việt đình công đòi tăng lương và cải thiện đời sống, một số người tổ chức bỏ trốn khỏi cảnh địa ngục ở đồn điền. Bà con người dân tộc làm *cu li* trong các đồn điền cũng hưởng ứng bỏ trốn về làng làm rẫy. Không chỉ dừng lại ở đó, họ còn tích cực chỉ đường dẫn lối cho công nhân người Việt vượt rừng tránh sự lùng sục bắt bớ của lính tráng và bọn chủ đồn điền.

Để đối phó với tình hình trên, thực dân Pháp tiếp tục thực hiện âm mưu chia rẽ mối đoàn kết các dân tộc Việt Nam, đồng thời không ngừng đàn áp phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực dân Pháp lập ra nhà tù Bà Rá để đày đoạ các chiến sĩ cộng sản. Chúng còn cho xây dựng trại giam Bù Nho để giam hãm những người công nhân cấp tiến của phong trào đấu tranh ở đồn điền Phú Riềng.

Trong những năm 1930, phong trào đấu tranh của công nhân các đồn điền Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Quản Lợi, Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch... liên tiếp nổ ra với nhiều hình thức đấu tranh khác nhau. Hưởng ứng các phong trào đó, bà con các dân tộc ít người ở Hớn Quản bị bắt làm *cu li* trong các đồn điền đã đứng lên bãi công, bỏ việc để chống lại tư bản Pháp.

Tháng 10/1933, diễn ra một sự kiện quan trọng là cuộc nổi dậy của hơn 200 đồng bào ở các sóc Bù Na, Bù Kế, Bù Co, Bù Tơm, Sa Ra... giết chết tên Morie.

Cuối năm 1933, dân phu “công-tra” ở mọi miền đất nước, đặc biệt là ở miền Bắc và miền Trung, được Pháp mộ đưa vào khá đông, trước tình hình đó, Chi bộ Đảng đã linh hoạt điều phối và tổ chức chặt chẽ để anh em công nhân cũ siết chặt với anh em công nhân mới, tạo mối đoàn kết thân tình, làm tăng thêm lực lượng đấu tranh.

Để đối phó với tình hình trên, bọn chủ các đồn điền Xa Cam, Xa Trạch, Quán Lợi đã thực hiện âm mưu bãi bỏ chế độ cho công nhân ăn chung, ở chung, thay vào đó chúng phát gạo cho công nhân về nhà nấu ăn riêng, chia rẽ sự đoàn kết trong công nhân. Tuy vậy, phong trào đấu tranh của công nhân vẫn tiếp tục lên cao, buộc chúng phải từng bước thực hiện các yêu sách của công nhân.

Ngày 2/1/1934, dưới sự chỉ đạo của một số thủ lĩnh với 300 nghĩa quân người đồng bào S'tiêng, và M'Nông với cung tên, giáo mác và một số súng trận, dưới sự lãnh đạo của một số thủ lĩnh như: Điều Giang, Điều Mốt, Điều Môn... đã tiến công tiêu diệt đồn Bù Đốp.

Qua những cuộc vũ trang nổi dậy chống Pháp của đồng bào các dân tộc dưới sự lãnh đạo của các thủ lĩnh, đã khơi dậy lòng yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường bất khuất, không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù trong đồng bào.

Ngoài thủ đoạn chia rẽ dân tộc, thực dân Pháp còn thực hiện những thủ đoạn lừa bịp, mị dân, mua

chuộc hồng tiêu diệt, cũng như làm lung lay ý chí của các lực lượng nổi dậy chống lại chúng.

Với chính sách ngu dân, thực dân Pháp còn triệt để lợi dụng các tệ nạn mê tín dị đoan. Chúng đi sâu vào trong các làng, dùng những chất hóa học xúc tác với nhau trên bông gòn tạo thành ngọn “lửa thần” nhằm lừa bịp và uy hiếp đồng bào dân tộc. Do đa phần đồng bào không biết chữ, họ sợ phép lạ và lửa thần của Pháp đốt cháy làng xóm, núi rừng nên nhiều người hoảng sợ và nghe theo Pháp. Sau khi đã dụ dỗ mua chuộc, lợi dụng được một số người nhẹ dạ cả tin, Pháp đưa những người này vào làm lính gác nhà tù hồng gây thù hằn dân tộc giữa người Kinh và người Thượng, thực hiện chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.

Để chống lại âm mưu thâm độc này, công nhân đồn điền Phú Riềng đã tổ chức vận động và giác ngộ lòng yêu nước, căm thù giặc trong đồng bào dân tộc. Vì vậy mà chính những người lính dân tộc này lại được những người cộng sản, những công nhân bị giam hãm trong nhà tù tuyên truyền giác ngộ cách mạng. Sự thức tỉnh của những người lính dân tộc làm cho ảnh hưởng của cách mạng càng được lan truyền sâu rộng vào trong các buôn làng, tình đoàn kết giữa người Kinh - Thượng càng thêm gắn bó.

Bước vào năm 1937, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, tại các đồn điền ở Xa Cam, Xa Cát, Quán Lợi, Xa Trạch, anh em công nhân cử đại biểu vào Hội Ái hữu,

đưa kiến nghị đòi giải quyết những nhu cầu thiết thực như ăn, ở, trị bệnh, giờ làm việc theo đúng luật lao động, kết thúc hợp đồng được tự do về quê, tự do lập nghiệp đoàn, hội họp, tự do ngôn luận.

Ngày 13/3/1937, giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang diễn ra sôi nổi, Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng tại Hóc Môn. Trong công tác vận động quần chúng, Nghị quyết Trung ương nêu rõ: Vận động quần chúng ủng hộ cải cách, tiếp tục đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thân hàng ngày; tổ chức các tầng lớp xã hội vào các hội công khai hợp pháp, không lấy tên công hội đỏ, hay nông hội đỏ mà lấy tên công hội và nông hội, có thể lấy tên hội ái hữu, hội cúng tế bao gồm cả những người lao động, cố nông, bần nông, trung nông... Tháng 3/1937, tại tỉnh Thủ Dầu Một, Nghị quyết Trung ương Đảng được phổ biến rộng rãi xuống tận các chi bộ, cũng như các tổ chức công hội, nông hội...

Ở Hớn Quản, Chơn Thành, Lộc Ninh, thông qua các hoạt động của hội, phong trào đấu tranh của công nhân càng lên cao. Ngày 22/12/1938, Hội Ái hữu đứng ra tổ chức 300 công nhân tại đồn điền cao su Lộc Ninh tiến hành bãi công đưa yêu sách, nhân sự kiện đó công nhân các đồn điền Xa cam, Xa Cát, Xa Trạch, Quản Lợi nhiệt tình ủng hộ.

Tinh thần bất khuất của đồng bào các dân tộc, với sự hy sinh anh dũng của một số thủ lĩnh đã lưu truyền

rộng rãi trong đồng bào trở thành nguồn động viên về ý thức dân tộc; thêm vào đó, những hoạt động cách mạng của những tù nhân cộng sản tại các nhà tù đã ảnh hưởng sâu rộng đến tinh thần chống Pháp của đồng bào các dân tộc ít, người đặc biệt trong những năm 1930 cho đến khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra.

IV. TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

Từ đầu năm 1939, nguy cơ chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng tới gần, bọn phản động thuộc địa tăng cường thu thuế cao, bắt lính, nâng giá sinh hoạt lên gần 40%, làm cho đời sống nhân dân ngày càng khó khăn. Ngày 28/3/1939, Trung ương Đảng ra tuyên ngôn kêu gọi toàn dân thống nhất hành động, tham gia Mặt trận dân chủ Đông Dương, đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, đề phòng bọn thân Nhật.

Tháng 11/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Ở Việt Nam, thực dân Pháp thiết lập chế độ phát xít tàn bạo và tăng cường đẩy mạnh khủng bố, ban bố lệnh tổng động viên, ra sức vơ vét sức người, sức của để phục vụ chiến tranh chính quốc.

Trước tình hình đó, ngày 6/11/1939, Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị lần thứ sáu tại Bà Điểm (Hóc Môn). Hội nghị quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, nêu cao nhiệm vụ giải phóng

dân tộc, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương, chuẩn bị những điều kiện để tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, nhiều cuộc đấu tranh liên tiếp diễn ra: khởi nghĩa Bắc Sơn (37/9/1940); khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940). Các cuộc khởi nghĩa thất bại do thời cơ chưa chín muồi, nhưng sự hy sinh của các chiến sĩ khởi nghĩa đã gây ảnh hưởng sâu sắc đối với công nhân cao su trong các đồn điền ở Hớn Quản và công nhân cao su toàn miền Đông Nam Bộ. Công nhân đã nổi dậy đấu tranh đòi các quyền dân sinh với các yêu sách như: chấm dứt việc đánh đập, chống cúp phạt, trả công đúng hạn, không phát gạo mực, cá thối, mở thêm bệnh viện, trường học để chữa bệnh và dạy học cho con em công nhân.

Tại khu vực Hớn Quản, Pháp cho đóng một đồn lính mới với tên gọi Gạcđoxi (Gardecivile) tại ngã tư Chơn Thành, với nhiệm vụ canh gác bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên và bảo vệ con đường 13 từ Thủ Dầu Một lên Lộc Ninh. Đồng thời, chúng cấu kết chặt chẽ với bọn tay sai, đàn áp bóc lột nhân dân vô cùng thậm tệ.

Bị áp bức bóc lột nặng nề, nhân dân Hớn Quản, Chơn Thành nung nấu trong lòng ý chí căm thù giặc sâu sắc, họ sẵn sàng đứng dậy đấu tranh khi có thời cơ. Trong thời gian này nhiều cuộc đấu tranh ở các

đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch có sự hỗ trợ của lực lượng tự vệ đã liên tiếp nổ ra.

Trước sự truy lùng, khủng bố của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Nam Kỳ, tại Hớn Quản nhiều cán bộ, đảng viên trong đó có các đồng chí Lê Đức Anh, Nguyễn Xanh, Nguyễn Văn Tảng đã chuyển về hoạt động trong các đồn điền cao su ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Do vậy mà phong trào đấu tranh của công nhân cao su và đồng bào trong các buôn sóc được đẩy mạnh hơn nữa, công tác xây dựng cơ sở cách mạng ngày càng phát triển.

Năm 1943, ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, Ban Cán sự Đảng Thủ Dầu Một (Tỉnh ủy lâm thời) được thành lập gồm các đồng chí Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Thi, Văn Công Khai, Nguyễn Văn Trung, Vũ Văn Hiếu, trong đó đồng chí Lê Đức Anh và Nguyễn Văn Trung phụ trách vấn đề các dân tộc ít người. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Nguyễn Văn Trung về hoạt động ở vùng Hớn Quản - Lộc Ninh, trực tiếp chỉ đạo phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc.

Trong khoảng cuối năm 1943 đầu năm 1944, đồng chí Vũ Đình Thính tập hợp một số công nhân ở đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, thành lập đội “Thanh niên tiên phong” biên chế thành lập một tiểu đội do đồng chí Nguyễn Khắc Thành chỉ huy, thường xuyên phối hợp với công nhân tổ chức đấu tranh chống bọn

chủ đồn điền; chỉ với vũ khí thô sơ, tầm vông, cung tên, giáo mác, chông bẫy đã tổ chức phục kích tiêu diệt, cướp súng của địch. Tại căn cứ Đồng Giăng (Tân Khai), đồng chí Lê Đức Anh tổ chức được một trung đội lực lượng vũ trang đang ngày đêm tập luyện, dự trữ lương thực, vũ khí chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cùng với chủ trương của Huyện ủy, Điều lệ Việt Minh được phổ biến sâu rộng trong quần chúng.

Tháng 3/1945, Nhật đảo chính lật đổ nền thống trị của Pháp ở Đông Dương. Tại Hớn Quản, Nhật đưa đám tay sai người Việt lên làm quận trưởng, quận phó thay Pháp. Chúng giữ nguyên hệ thống tổ chức hành chính cũ, thi hành lệnh bắt công nhân trong các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Quản Lợi chặt cây để làm công sự và hầm trú ẩn..., đồng thời đàn áp phong trào cách mạng, phong trào công nhân hết sức dã man.

Dưới ách thống trị của phát xít Nhật, đời sống của công nhân đồng bào các dân tộc vô cùng khó khăn, điêu đứng. Mỗi ngày chúng phát cho mỗi người hai lon gạo, một lon tương và không trả tiền công. Cảnh đói khát, chết chóc diễn ra hàng ngày, hàng giờ đối với công nhân, làm cho họ sôi sục căm thù và sẵn sàng đứng lên đấu tranh khi thời cơ đến.

Ngay sau khi nghe tin Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng

và nhận định: Cuộc đảo chính sẽ tạo ra một tình thế khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm cho những điều kiện của cuộc tổng khởi nghĩa chín muồi nhanh chóng. Sau khi đánh giá tình hình, Hội nghị đã ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Hội nghị còn quyết định thay đổi khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Pháp - Nhật” trước đây, thay bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật” và phát động cao trào “kháng Nhật cứu nước” làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, ngay trong tháng 3/1945, Ban Cán sự Đảng Thủ Dầu Một đề ra chủ trương cấp bách chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, từ tháng 6 đến tháng 8/1945, công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền được đẩy mạnh nhanh chóng, với hàng loạt các tổ chức đoàn thể ra đời và bắt đầu hoạt động công khai như: tổ chức Thanh niên Tiên phong, Công nhân Cứu quốc, Hội Phụ nữ và các đội tự vệ - lực lượng vũ trang nhân dân. Khí thế chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã rộng khắp trong đồng bào các dân tộc ở địa phương. Đồng bào các dân tộc ở Hớn Quản đã tổ chức các đội bán vũ trang, khoảng vài chục người được trang bị cung tên, giáo mác, dao và gần chục cây súng trường, súng săn do anh Giáo (thầy giáo người Kinh) chỉ huy.

Tháng 8/1945, tại xã Hiệp Thành (nay là phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương),

một đơn vị thanh niên tiên phong do hai đồng chí Cúc và Lê Văn Trì lãnh đạo được thành lập, các đồng chí đã hô hào anh em, vận động phụ nữ làm công tác binh vận lấy súng của Nhật, một số đội viên đã cướp được 6 cây súng.

Trong khi quần chúng công nhân và đồng bào các dân tộc ở Hớn Quản cũng như ở khắp mọi nơi trong cả nước đang sôi sục chuẩn bị khởi nghĩa, thì ngày 13/8 Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, báo hiệu thời cơ quyết định vận mệnh của đất nước đã đến, ngọn lửa đấu tranh cách mạng càng bùng lên mạnh mẽ.

Ngay lập tức, Ủy ban Dân tộc Giải phóng và Tổng bộ Việt Minh kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên tổng khởi nghĩa. Cùng đó tin Hà Nội khởi nghĩa thành công ngày 19/8 như một phát pháo lệnh báo hiệu thời cơ tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã chín muồi.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Xứ ủy Nam Kỳ, ngày 20/8, Ban Cán sự Đảng tỉnh họp Hội nghị mở rộng đến bí thư chi bộ tại xóm Giếng Máy, xã Hiệp Thành (nay là phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương), quyết định:

- Thành lập Ủy ban khởi nghĩa tỉnh do đồng chí Văn Công Khai phụ trách và thành lập ngay ủy ban khởi nghĩa ở các cơ sở trong toàn tỉnh.

- Ngày 25/8/1945, tập trung lực lượng trong toàn tỉnh giành chính quyền ở thị xã. Các thị trấn, các

đồn điền cao su cùng đồng loạt khởi nghĩa hoặc khởi nghĩa sớm hơn tùy vào tình hình cụ thể.

Với tình hình đang diễn ra như trên, Hội nghị xác định: Hết sức tránh những vụ khiêu khích của địch, nếu trong cuộc khởi nghĩa mà chúng chống lại thì phải sử dụng lực lượng tự vệ chiến đấu và huy động quần chúng tích cực đấu tranh. Nhưng trong bất kỳ tình huống nào cũng phải giành chính quyền thắng lợi, coi đó là nguyên tắc cao nhất của cách mạng.

Cùng với khí thế chung của cả nước, ngày 25/8/1945, nhân dân trong vùng đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong khí thế tiến công sôi sục. Tại các đồn điền Xa Cam, Xa Trạch, Quán Lợi, Xa Cát công nhân nổi dậy tổ chức mít tinh, biểu tình, mang theo cuốc, xẻng, gậy gộc, xà beng, búa... ngoài ra còn có súng trường và lựu đạn, đồng loạt kéo nhau đi chiếm nơi ở và nơi làm việc của bọn chủ đồn điền, giành quyền làm chủ cho mình. Họ dùng dao găm, gậy tầm vông vót nhọn, với một số lượng súng không lớn tới bao vây các đồn bót có lính Nhật đang chiếm đóng. Đại biểu công nhân hăng hái hùng dũng tiến thẳng vào sào huyệt địch, giải thích cho chúng biết việc làm của mình là để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ra khỏi ách áp bức, bóc lột, giành lại độc lập tự do, đòi giao trả lại quyền quản lý các đồn điền cho công nhân, lên án tội ác của chúng.

Trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, ở hầu hết các đồn điền, bọn chủ tư bản và bọn chỉ huy quân

Nhật đều khiếp sợ, vội giao chìa khóa tủ sắt, công xưởng, kho tàng, máy móc cho đại biểu công nhân, đồng thời tuyên bố trả lại đồn điền cho công nhân.

Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các tổ chức Thanh niên Tiền phong và Hội Cứu quốc đã kết hợp với đồng bào dân tộc trong các buôn sóc đứng lên giành chính quyền. Tình hình đó làm cho bọn cai tổng khiếp sợ, thậm chí ở một số nơi chúng sợ hãi bỏ đi trước khi quân cách mạng tới.

Sau khi giành lại được quyền làm chủ ở các đồn điền, đông đảo quần chúng, anh em công nhân cùng với các xã người Kinh và đồng bào các dân tộc mà nòng cốt là lực lượng Thanh niên Tiền phong, đồng loạt kéo về chợ tổ chức một cuộc mít tinh lớn nhằm biểu dương lực lượng cách mạng, đồng thời cướp chính quyền ở quận lỵ. Tại cuộc mít tinh, đồng chí Nguyễn Văn Trung (Ba Trung) đã nói chuyện trước nhân dân, kêu gọi nhân dân ủng hộ cách mạng, kiên quyết giữ vững chính quyền vừa mới giành được.

Ngay sau thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến xã cũng như các đồn điền cũng nhanh chóng được thành lập.

Ở Hớn Quản, Ủy ban Nhân dân do đồng chí Tốt làm Chủ tịch. Trong các đồn điền Quán Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát, chính quyền cách mạng cũng được thành lập do chính những người cán bộ công nhân ở

đây lãnh đạo. Ngoài ra, công nhân trong các đồn điền còn tiến cử đại biểu của mình tham gia Ủy ban Nhân dân các xã, địa phương cùng nhau góp sức xây dựng chính quyền mới, với các đại biểu tiêu biểu như Đội Cang, Xu Nhường, Ba Cảnh...

Như vậy, trong ngày 25/8/1945, nhân dân Hớn Quản đã thực hiện một cuộc đổi đời lịch sử. Mới hôm qua còn là người dân nô lệ, kẻ làm thuê phải bán sức lao động để đổi lấy một cuộc sống lay lắt qua ngày, thì hôm nay họ đã là người công dân của nước Việt Nam độc lập, họ đã là người chủ của những nương rẫy, rừng núi, đồn điền.

Sau hơn hai phần ba thế kỷ bị xâm lược, dưới chế độ thực dân phát xít hà khắc, người dân phải chịu kiếp phận trâu ngựa, bị bóc lột thậm tệ cả thể xác lẫn tinh thần; nay người dân Hớn Quản cũng như ở các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch dưới sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân của một nước Việt Nam độc lập, được làm chủ đời mình, được tự do hạnh phúc.



Hớn Quản đã cùng toàn quốc làm nên Cách mạng Tháng Tám lịch sử của dân tộc. Tổ chức Đảng ở Hớn Quản đã linh hoạt vận dụng những hình thức, phương pháp đấu tranh thích hợp, khơi dậy ý chí đấu tranh của người dân mà họ đã nung nấu lâu nay để tổ chức

họ thành lực lượng cách mạng hùng hậu trong cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền Cách mạng Tháng Tám 1945.

Cách mạng Tháng Tám là kết quả của một chặng đường đấu tranh đầy gian khổ của nhân dân địa phương, của những cán bộ đảng viên không ngại hy sinh gian khổ, từng bước huấn luyện tổ chức lãnh đạo quần chúng đứng lên chống thực dân, phát xít, giành độc lập dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi của nhân dân Hớn Quản trong những ngày Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một trang sử mới trong lịch sử của nhân dân huyện, đồng thời tạo lên những tiền đề cần thiết cho cuộc đấu tranh về sau khi cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.

Chương 2

HỚN QUẢN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

I. CÙNG NAM BỘ KHÁNG CHIẾN (1945 - 1947)

Những ngày cuối tháng 8/1945, trên khắp các tổng, làng, các đồn điền cao su ở Hớn Quản, nhiều cuộc mít tinh, hội họp của các tầng lớp nhân dân địa phương diễn ra như những ngày hội. Chưa bao giờ các tầng lớp đồng bào lại có dịp đứng cùng nhau trong các buổi lễ long trọng và cảm động như thế. Tất cả hàng ngũ chính tề, dưới lá cờ đỏ sao vàng trang nghiêm và chính tai mình được nghe phổ biến chính sách của Việt Minh, trong đó có việc bãi bỏ thuế thân, bãi bỏ các chính sách bóc lột, hành hạ của chủ đồn điền. Trong các buổi lễ long trọng ấy, tiếng reo hò luôn vang dậy. Đó là niềm vui không tả xiết của những con người vừa được trút bỏ cuộc đời nghèo khó và thân phận nô lệ để bước lên địa vị làm chủ đời mình.

Ở quận Hớn Quản, một tuần lễ sau cuộc Tổng khởi nghĩa, chính quyền cách mạng cũng lần lượt được thành lập từ quận đến các tổng, làng, đồn điền cao su. Ở cấp quận thành lập Ủy ban Hành chính do đồng chí Tốt làm Chủ tịch và các Ủy viên Nguyễn Văn Trung (Ba Trung), Tám Ngân, Chín Chức. Ở các tổng, làng, đồn điền cao su, tùy tình hình và lực lượng của các địa phương mà hình thành các ủy ban nhân dân hoặc ban tự quản. Các tổng, làng thành lập ủy ban hành chính; các đồn điền cao su hình thành ban tự quản từ 3 - 4 ủy viên để tổ chức quản lý mọi mặt đời sống.

Những ngày đầu thành lập, chính quyền cách mạng các cấp đều thiếu cán bộ, nhất là đối với cấp tổng, làng. Tuy nhiên, các ủy ban hành chính và ban tự quản đã làm việc rất hiệu quả vì được quần chúng tin yêu và ủng hộ tuyệt đối. Chưa bao giờ các tầng lớp nhân dân Hớn Quản cảm nhận rõ được các quyền lợi mà cách mạng đem lại lớn lao như vậy, và cũng chưa bao giờ các tầng lớp nhân dân phát huy cao độ tinh thần làm chủ như lúc này. Các chủ trương, chính sách của Đảng, của chính quyền cách mạng đều được nhân dân thực hiện một cách nhanh chóng và tự giác.

Được thành lập trong niềm phấn khởi, nổi vui mừng vô bờ bến của các tầng lớp đồng bào, song chính quyền cách mạng Hớn Quản cũng đứng trước bao công việc bộn bề và đầy khó khăn, phức tạp. Ngay từ ngày 24/8/1945, thực dân Pháp đã thông qua kế hoạch trở lại xâm lược Đông Dương bằng cách dựa vào sự có mặt

của quân Anh để xâm chiếm từ vĩ tuyến 16 trở vào, thả dù nhân viên quân sự và lực lượng xuống miền Bắc, xác nhận với đồng minh việc duy trì chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Ở Thủ Dầu Một nói chung và Hớn Quản nói riêng, sĩ quan và binh lính Nhật dù đã đầu hàng Đồng minh nhưng vẫn tiếp tục gây sức ép ta về mọi mặt; nhiều tên sĩ quan cao cấp của Nhật còn ra mặt hống hách đe dọa chính quyền cách mạng từ cấp tỉnh đến quận.

Sau khi chính quyền mới được thành lập, tình hình trên địa bàn quận Hớn Quản rất phức tạp. Một số lính Nhật còn ẩn náu trong các đồn bót; ngoài ra còn có một bộ phận của các phe nhóm, đảng phái chính trị phản động đang mong ngóng sự quay trở lại của thực dân Pháp, ra sức chống phá chính quyền cách mạng. Cùng với đó là các tệ nạn xã hội do những tàn tích của chế độ thực dân, phong kiến để lại. Để tăng cường lãnh đạo nhân dân, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng vừa mới giành được, các tổ chức chính trị và quân sự dần được thành lập như Quân bộ Việt Minh, Quốc gia Tự vệ cuộc, đây là các tổ chức có nhiệm vụ giữ gìn an ninh, dưới sự chỉ huy của đồng chí Tám Ngân - nguyên Trưởng ga Xa Cát. Trong đó bộ phận Công an xung phong do đồng chí Chức làm Chỉ huy, chuyên lo trừ gian diệt ác.

Theo chủ trương của Xứ ủy và Ủy ban Hành chính Nam Bộ, lực lượng Quốc gia Tự vệ cuộc tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập ngày 26/8/1945 do đồng chí

Nguyễn Văn Đối (Tư Đối) phụ trách, với quân số ban đầu khoảng 100 người, chia làm 6 chi đội phụ trách theo địa bàn các quận; Chi đội Hớn Quản do đồng chí Nguyễn Văn Ngân - nguyên Trưởng ga xe lửa Xa Cát làm Chỉ huy trưởng. Bên cạnh lực lượng Quốc gia Tự vệ cuộc, mỗi tổng, làng, sở cao su cũng cử thanh niên trai tráng vào các đội bảo vệ trật tự, trị an tại địa phương. Quốc gia Tự vệ cuộc Hớn Quản phối hợp cùng các đội bảo vệ của tổng, làng ổn định trật tự trị an, truy lùng các phần tử chống phá cách mạng, quản lý vũ khí, quản lý các đối tượng phản động, tay sai của Pháp, Nhật, bảo vệ an ninh tuyến đường 13 từ Chơn Thành lên Lộc Khánh.

Ngoài lực lượng “Quốc gia Tự vệ cuộc” còn có lực lượng “Quốc vệ đội” - lực lượng vũ trang tập trung, trực thuộc “Quốc gia Tự vệ cuộc” của tỉnh¹. Phạm vi hoạt động từ Minh Thạnh qua Chơn Thành, ngược quốc lộ 13 lên Hớn Quản, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Hai Rua, Ba Lùn, Năm Kính, Ba Chánh.

Các cán bộ, chiến sĩ Quốc gia tự vệ cuộc Hớn Quản cùng với các lực lượng thanh niên, phụ nữ huyện đi đến các buôn làng, đồn điền cao su ra sức tuyên truyền để anh em công nhân và bà con các dân tộc nắm bắt, giác ngộ đường lối chính sách của Đảng đồng thời bảo

1 Lúc bấy giờ, trong lực lượng Quốc gia Tự vệ cuộc tỉnh Thủ Dầu Một do đồng chí Hồ Văn Nâu làm Chỉ huy trưởng, có lực lượng vũ trang tập trung, chia làm 2 mũi: Quốc vệ đội I hoạt động ở vùng Bến Cát và phía nam tỉnh, Quốc vệ đội II hoạt động ở phía bắc tỉnh, từ Chơn Thành lên Hớn Quản.

vệ các cơ sở Đảng, cũng như bà con nhân dân trong quận. Tại các xã, ngoài việc thành lập Ủy ban Hành chính còn tổ chức Đội Thanh niên Tiên phong, mỗi Đội Thanh niên Tiên phong đều cử đội trưởng, đội phó và liên lạc, được trang bị vũ khí như dao găm, tầm vông vót nhọn, dây thừng và thường xuyên luyện tập. Nhiệm vụ của đội là tuần tra, canh gác để báo động kịp thời khi có biến cố.

Song song với công tác xây dựng chính quyền, trấn áp bọn phản cách mạng, trong nửa đầu tháng 9/1945, công tác xây dựng, củng cố các đoàn thể quần chúng được đặc biệt chú trọng. Thanh niên Tiên Phong chuyển thành Thanh niên Cứu quốc; các đoàn thể cứu quốc như Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc được thành lập từ quận đến tổng, làng. Ở các sở cao su, tổ chức Công đoàn cũng hình thành.

Cùng với việc xây dựng chính quyền, đoàn thể, bảo vệ trật tự trị an, Ủy ban Hành chính quận và các tổng, làng, các ban tự quản của đồn điền cao su cùng các đoàn thể quần chúng, công đoàn phát động các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, hưởng ứng Tuần lễ vàng của Chính phủ.

Trong lúc các tầng lớp nhân dân Hớn Quản đang nỗ lực khắc phục hậu quả của chế độ thực dân và phong kiến để lại, xây dựng cuộc sống mới thì ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Cùng với nhân dân Sài Gòn - Gia Định, các tầng

Ngày 25/12/1945, hơn hai tháng sau ngày chiếm thị xã Thủ Dầu Một, quân Pháp có quân Anh yểm trợ, chia thành hai mũi tiến đánh vào Quản Lợi. Lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương chống trả kiên cường suốt mấy ngày liên tục, gây cho địch nhiều thiệt hại. Tuy nhiên, với quân số và vũ khí áp đảo, quân Pháp cuối cùng đã chiếm được Hớn Quản, đồng thời mở thông quốc lộ 13 từ Chơn Thành qua Hớn Quản đến Lộc Ninh.

Sau khi chiếm được Hớn Quản, những ngày cuối tháng 12/1945, quân Pháp liên tục mở các cuộc tấn công ra các địa bàn xung quanh. Đi đến đâu, địch cũng vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của lực lượng tự vệ chiến đấu và nhân dân các làng, xã. Ở Tân Khai, lực lượng chiến đấu phá nhà ga xe lửa, tháo gỡ máy móc chuyển vào rừng lập làng chiến đấu. Ở Phước An, hàng chục thanh niên dù chỉ có tầm vông vạt nhọn vẫn phục kích địch tại sóc Tranh gây thương tích nhiều tên. Ở Tân Lợi, lực lượng tự vệ gồm 6 phân đội tập kích bọn giặc đóng ở Vườn Rau (sóc Xiêm) của đồn điền Quản Lợi bằng cách cho người bí mật áp sát địch nổ súng, giặc bỏ chạy tán loạn về Quản Lợi và Téních, thu được 1 súng, 3 lựu đạn và một số chiến lợi phẩm. Cùng lúc đó, một cánh quân ở Bù Nho cũng đột nhập vào Trung tâm Téních (Service Technique), diệt 1 tên Việt gian chỉ điểm. Sau trận Sóc Xiêm 3 ngày, lực lượng vũ trang ở Tà Bái còn tổ chức trận phục kích đánh bọn địch lùng sục ra ven bìa cao su ở Xacô 28 và vùng Tà Bái - sóc Ứng gây cho địch thiệt hại nặng.

Vừa tích cực chiến đấu chống giặc, quân và dân Hớn Quản còn tích cực đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng vũ trang. Thanh niên các sở, làng được vận động tòng quân gia nhập lực lượng vũ trang tập trung của huyện. Ngay trong cuối tháng 12/1945, ở tất cả các địa bàn từ Tân Khai, Thanh Bình, An Phú, Phước An, hàng trăm thanh niên đã thoát ly đi chiến đấu và trở thành chiến sĩ trong các đơn vị của Khu 7. Lực lượng Quốc gia Tự vệ cuộc Hớn Quản hình thành Ban Trinh sát tích cực bám địa bàn nắm tình hình địch, phát triển mạng lưới cơ sở. Công tác xây dựng cơ sở quần chúng cũng được chú trọng. Các đoàn thể cứu quốc vừa tích cực đưa tin tức về tình hình chiến sự đến nhân dân, vừa tuyên truyền, kêu gọi nhân dân ủng hộ kháng chiến.

Với những nỗ lực đồng bộ, vượt qua khó khăn nhiều mặt của cuộc kháng chiến, ngày 6/1/1946, đồng bào Hớn Quản đã tham gia cuộc bầu cử Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thông qua lá phiếu của mình bày tỏ niềm tin tưởng và ủng hộ Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự nghiệp kháng chiến.

Sau cái Tết kháng chiến đầu tiên, tình hình ngày càng khó khăn hơn, lực lượng vũ trang của quận và các sở, làng phải rút vào rừng sâu, giặc Pháp chiếm đóng và thiết lập các đồn bót ở những vị trí quan trọng trong toàn quận. Trên cơ sở hệ thống đồn bót, một mặt địch tổ chức các cuộc hành quân càn quét, ruồng bố, tìm diệt cơ quan lãnh đạo và lực lượng vũ trang

kháng chiến. Mặt khác, địch cho lập các tổ chức tề điệp. Chúng tụ tập tay chân là bọn chủ đồn điền, bọn tay sai ác ôn trước đây để tổ chức lại bộ máy cai trị địa phương và tiến hành hàng loạt các cuộc bắn giết trả thù, hòng bắt công nhân trở lại sở làm, khủng bố những người yêu nước... Do có bọn phản bội làm tay sai chỉ điểm, nên Pháp tăng cường truy lùng và bắn chết một số cán bộ của huyện Hớn Quản như đồng chí Vị - phụ trách Quận bộ Việt Minh, đồng chí Nghĩa - Ủy viên Quân sự... Đối với đồng bào dân tộc, một mặt chúng ra sức cướp bóc tài sản (lúa gạo, trâu, bò, heo, gà), mặt khác khoét sâu mâu thuẫn Kinh - Thượng, kích động bắn giết cán bộ người Kinh để được thưởng muối, vải (ban đầu chúng treo giá 3 lít muối và một ít vải xấu cho một cán bộ bị giết, về sau chúng nâng lên đến 20 lít muối rồi cả bao muối, vải).

Trước tình thế ấy, đầu tháng 3/1946, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt tỉnh Thủ Dầu Một đã tổ chức hội nghị tại làng Phú Hòa để tái lập Tỉnh ủy. Hội nghị cũng đề ra nhiệm vụ chấn chỉnh, củng cố bộ máy chính quyền cấp tỉnh và các quận, làng. Ở Hớn Quản, nhiệm vụ đặt ra cho các lực lượng kháng chiến lúc này là phải đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tiêu diệt sinh lực địch, trấn áp bọn phản động tay sai chống phá cách mạng, củng cố lòng tin trong nhân dân.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Ủy ban Hành chính quận, làng và Ban Tự quản đồn điền cao su rút vào xây dựng căn cứ tại Tân Khai. Từ đây, cán bộ, du kích

hàng đêm trở về làng, sở hoạt động, vừa tuyên truyền vận động quần chúng, vừa làm nhiệm vụ cảnh cáo, trừng trị bọn ác ôn tay sai. Điển hình là các vụ diệt tên hương quản Quyền tại chợ Hớn Quản, tên cả Rui tại chòi rẫy của y. Được sự hỗ trợ của lực lượng du kích, các đoàn thể Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc tích cực vận động các giới đồng bào đóng góp ủng hộ kháng chiến, tổ chức các đội thông tin xóm, ấp, sở, các ban tuyên truyền thôn, làng, phối hợp cùng chính quyền đấu tranh chính trị trong vùng địch kiểm soát.

Sau khi Chính phủ ta ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp (6/3/1946), theo chỉ đạo chung của tỉnh, lực lượng vũ trang Hớn Quản được củng cố lại. Một bộ phận chiến sĩ tuổi cao hoặc có sức khỏe không tốt được trở về địa phương hoạt động cùng nhân dân; số còn lại được đưa về Khu bộ Khu 7, trở thành Đại đội 3 của Chi đội 1; đơn vị được bố trí đứng chân tại Thới Hòa, hoạt động tại địa bàn hai quận Bến Cát và Hớn Quản.

Từ tháng 4/1946 trở đi, cuộc kháng chiến ở Hớn Quản ngày càng diễn ra ác liệt. Sau khi chiếm đóng hầu hết các vị trí quan trọng, thực dân Pháp ráo riết lập lại bộ máy tề ngụy từ quận đến làng, sở cao su đồng thời thành lập các đơn vị pactidăng - lính địa phương. Một mặt, địch vận động những tên tay sai phản động có tư thù với nhân dân ra nhận các chức vụ của chính quyền; mặt khác, địch cũng bắt đầu khôi phục quyền lợi của bọn tư bản Pháp đối với các đồn điền cao su, nhiều tên tư bản từ Sài Gòn và từ Pháp được tạo điều

kiện trở lại Hớn Quản nắm giữ các đồn điền cao su như các tên: Gachard (sở Quản Lợi), Momser (sở Xa Cát), Morange (sở Xa Trạch).

Được sự hỗ trợ bằng cả quân sự và chính trị của quân Pháp, các chủ tư bản đã tiến hành hàng loạt các cuộc truy lùng, bắt nhân dân trở lại làm việc trong các đồn điền cao su cho chúng. Nhiều cuộc vây bắt, khủng bố nhân dân diễn ra đẫm máu. Điển hình như cuộc vây bắt ở Tân Khai, khi không khuất phục được nhân dân trở lại đồn điền làm việc, địch đã cho phơi nắng nhiều người rồi đưa vào rừng chặt đầu để uy hiếp tinh thần đồng bào.

Để đối phó với thủ đoạn của địch, Ban Cán sự Đảng quận Hớn Quản đã tổ chức cho lực lượng vũ trang phối hợp cùng công an huyện thực hiện nhiều đợt cảnh cáo, uy hiếp những tên được địch vận động ra nhận chức, đồng thời đưa người thân vào các đơn vị thân binh gây dựng cơ sở mật trong lòng địch, tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân bất hợp tác với địch. Tổng Công đoàn Nam Bộ cũng đưa cán bộ công đoàn về các sở cao su ở Hớn Quản bắt liên lạc tuyên truyền vận động công nhân tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến. Một số cán bộ, đảng viên được bí mật đưa trở lại đồn điền hoạt động gây dựng cơ sở mật trong công nhân.

Cùng với tuyên truyền, vận động chính trị, hoạt động vũ trang, bán vũ trang được chú trọng. Đầu tháng 5/1946, Đại đội 3 - Chi đội 1 được cấp trên

quyết định đưa về đứng chân tại Suối Voi và tiến hành xây dựng căn cứ tại Truong Ba Trường. Từ đây, đơn vị đã tổ chức nhiều cuộc phục kích, tập kích ở Suối Voi, Giáp Lạc, Minh Thanh, Tân Khai uy hiếp các đơn vị pachtidăng của địch mỗi khi chúng tổ chức càn quét.

Từ căn cứ Truong Ba Trường, đơn vị võ trang tìm mọi cách gây dựng cơ sở, phát triển ra vùng cao su Xa Cát, Xa Trạch, Xa Cam, Quản Lợi, Tân Quang và đồng bào dân tộc trong vùng. Điển hình là các cơ sở tại nhà ông Mười Lũy, các gia đình anh Bảy Phú, Tư Nhiếp (tức Hiệp), Sáu Lục. Thông qua anh Tư Hiệp và anh Chế, ta đặt được cơ sở ở xe lửa và nhà ga, thông qua ông Mười Lũy ta nối được liên lạc với đồng chí Thái Văn Sa trước là chiến sĩ của lực lượng vũ trang công nhân cao su. Việc móc nối cơ sở khá nhanh, dựa vào đó, công tác vận động bà con ủng hộ lương thực, thực phẩm, tiền bạc cho bộ đội chiến đấu thu được nhiều kết quả khả quan.

Đầu tháng 8/1946, sau khi thông qua cơ sở ta nắm được tình hình bố trí lực lượng của địch tại đồn Hớn Quản, lực lượng kháng chiến tổ chức tấn công dinh Quận trưởng, đồn cảnh sát, nhà dây thép, nhà ga. Địch chủ quan không kịp đối phó với trận tập kích bất ngờ, táo bạo, nên trận đánh của đơn vị đã thu được kết quả đáng kể: diệt tên Tư Quang Việt gian có nợ máu và một số tên địch, thu được một số súng và đạn dược, đốt phá nhà làng, nhà ga, nhà dây thép... Đơn

vị có 1 đồng chí Thanh bị thương gãy chân, đưa về đến căn cứ Trường Ba Trường thì hy sinh. Ngay sau trận này, nhân dân ở các vùng cao su và đồng bào dân tộc rất phấn khởi. Họ phóng đại kết quả trận đánh (thậm chí có người còn nói “đánh trận rồi, vỏ đạn của Việt Minh đi ngập đến mắt cá”) làm cho quân Pháp và Việt gian hoang mang, lo sợ.

Thắng lợi của trận đánh đồn Hớn Quản cùng lúc với tin tức về Hội nghị Phôngtennơblô và việc Chính phủ Hồ Chí Minh ký kết Tạm ước 14/9/1946 đã tác động mạnh mẽ đến quần chúng nhân dân trong vùng hướng về cuộc kháng chiến. Tranh thủ thời gian hòa hoãn của bản Tạm ước, lực lượng kháng chiến Hớn Quản tích cực xây dựng cơ sở ở các vùng còn trắng trong khu vực đồn điền cao su và trong đồng bào các dân tộc. Bên cạnh các đoàn thể cứu quốc như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, các đồn điền còn chú trọng xây dựng nghiệp đoàn và ra sức tranh thủ nắm cho được các thầy xu, thầy ký làm tai mắt hoạt động cho kháng chiến.

Với những nỗ lực liên tục, hoạt động kháng chiến tại Hớn Quản tiếp tục được duy trì và phát triển. Ủy ban Kháng chiến Hành chính quận Hớn Quản (do đồng chí Út Tốt làm Chủ tịch, đồng chí Ba Lân làm Phó Chủ tịch và Quốc gia Tự vệ quận Hớn Quản do đồng chí Tám Ngân làm Chỉ huy trưởng) vẫn bám trụ địa bàn, có giao liên bí mật liên lạc với nhau và bảo đảm tiếp nhận đầy đủ chỉ thị, công văn của Tỉnh ủy,